CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Hà Nội, tháng 03 năm 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Tư	Chủ tịch
Ông Ưng Tiến Đỗ	Thành viên
Ông Vũ Hữu Tuynh	Thành viên
Bà Trần Thị Minh Hương	Thành viên
Ông Chu Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Phạm Bình Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hữu Tuynh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2010
Ông Lê Đình Tư	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2010
Bà Trần Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Hoàng Thị Thu An.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhấtt hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Vũ Hữu Tuynh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Số: 194 /2011/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 30 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**71.434.097.584**	**60.122.265.526**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**15.284.578.363**	**11.067.694.670**
Tiền	111		15.284.578.363	11.067.694.670
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**22.552.827.498**	**20.150.464.487**
Phải thu khách hàng	131		21.708.302.054	17.941.516.055
Trả trước cho người bán	132		1.354.815.422	1.457.670.361
Các khoản phải thu khác	135	5	130.655.827	1.590.067.676
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(640.945.805)	(838.789.605)
Hàng tồn kho	**140**		**28.861.749.678**	**21.783.225.121**
Hàng tồn kho	141	6	28.861.749.678	21.783.225.121
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.734.942.045**	**7.120.881.248**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	3.089.191.419	4.694.328.837
Thuế GTGT được khấu trừ	152		812.779.584	362.977.239
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.718.100	1.309.757.009
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	829.252.942	753.818.163
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**66.544.947.558**	**47.063.458.252**
Tài sản cố định	**220**		**61.504.947.558**	**44.183.458.252**
Tài sản cố định hữu hình	221	9	45.133.615.436	30.069.204.196
- Nguyên giá	*222*		*84.914.027.315*	*64.798.258.957*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(39.780.411.879)*	*(34.729.054.761)*
Tài sản cố định vô hình	227	10	9.212.804.700	8.712.826.000
- Nguyên giá	*228*		*9.761.360.700*	*8.890.639.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(548.556.000)*	*(177.813.000)*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	7.158.527.422	5.401.428.056
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**12**	**5.040.000.000**	**2.880.000.000**
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.040.000.000	2.880.000.000
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**137.979.045.142**	**107.185.723.778**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**98.509.272.960**	**70.499.707.071**
Nợ ngắn hạn	**310**		**96.784.856.286**	**68.826.286.175**
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	50.178.389.554	26.872.620.426
Phải trả người bán	312		24.516.029.281	22.811.954.166
Người mua trả tiền trước	313		1.042.508.828	573.586.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.667.187.116	1.537.590.150
Phải trả người lao động	315		4.763.139.563	4.841.323.338
Chi phí phải trả	316		-	405.667.270
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	9.730.450.944	8.238.408.670
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.887.151.000	3.545.135.955
Nợ dài hạn	**330**		**1.724.416.674**	**1.673.420.896**
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.724.416.674	1.673.420.896
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**31.907.480.832**	**29.409.551.133**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**31.907.480.832**	**29.409.551.133**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.250.000.000	20.250.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		9.700	9.700
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.904.624.202	6.340.820.912
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.752.846.930	2.346.659.394
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	472.061.127
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**500**		**7.562.291.350**	**7.276.465.574**
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**137.979.045.142**	**107.185.723.778**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nợ khó đòi đã xử lý			197.843.800	-

Vũ Hữu Tuynh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**17**	**337.060.299.223**	**344.858.775.504**
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**337.060.299.223**	**344.858.775.504**
Giá vốn hàng bán	**11**	**18**	**297.792.687.483**	**308.871.638.001**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**39.267.611.740**	**35.987.137.503**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	443.977.722	607.743.587
Chi phí tài chính	22	20	5.744.390.299	2.638.315.720
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6.728.478.083*	*2.638.315.720*
Chi phí bán hàng	24	21	4.109.432.700	6.715.084.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	18.635.415.556	14.894.360.847
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**11.222.350.907**	**12.347.120.514**
Thu nhập khác	31	23	1.110.777.725	1.485.813.987
Chi phí khác	32	24	184.767.799	336.605.036
Lợi nhuận khác	**40**		**926.009.926**	**1.149.208.951**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**12.148.360.833**	**13.496.329.465**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.516.960.837	1.884.358.585
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**9.631.399.996**	**11.611.970.881**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1.621.792.801	1.951.717.135
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		8.009.607.195	9.660.253.745
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**26**	**3.955**	**10.024**

Vũ Hữu Tuynh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		324.684.448.033	316.574.707.055
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(272.098.888.567)	(274.218.480.137)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(37.905.890.842)	(37.167.450.350)
Tiền chi trả lãi vay	4		(6.265.524.157)	(3.701.606.189)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.262.010.100)	(1.154.093.868)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3.566.188.003	13.498.832.253
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(7.939.496.477)	(9.435.807.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**1.778.825.893**	**4.396.101.455**
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.142.038.898)	(6.383.469.704)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		299.318.182	409.961.038
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.100.000.000)	(2.880.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		419.644.388	955.258.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(17.523.076.328)**	**(7.898.249.737)**
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		-	5.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		109.297.458.122	100.511.229.240
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(86.591.688.994)	(92.172.659.472)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.744.635.000)	(1.241.583.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**19.961.134.128**	**12.096.985.968**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**4.216.883.693**	**8.594.837.686**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**11.067.694.670**	**2.472.856.984**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**15.284.578.363**	**11.067.694.670**

Vũ Hữu Tuynh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1536/QĐ-BXD ngày 28/12/1998 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 055926 cấp ngày 05/04/1999, thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Trong năm 2009, Công ty đã đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 22/12/2009, với số vốn điều lệ là 20.250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), chia thành 2.025.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI) (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 1.049.958 cổ phần, chiếm 51,85% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 100.461 cổ phần, chiếm 4,96% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 874.581 cổ phần, chiếm 43,19% vốn điều lệ của Công ty.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và Công ty con bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp amiăng, xi măng;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại mầu và các sản phẩm tấm lợp khác;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, cổng trục và kết cấu thép (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung;
- Kinh doanh nhà và kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh khai thác cảng sông nội địa, dịch vụ logistic;
- Cho thuê kho bãi chứa hàng hoá và vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sông và biển;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic: Sản xuất cửa nhựa, cửa sổ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng; Vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

Và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

A	**Công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết được hợp nhất trên Báo cáo tài chính Hợp nhất**			
			Tại ngày 31/12/2010	
TT	**Đơn vị**	**Địa chỉ**	**Tỷ lệ % vốn góp cam kết**	**Tỷ lệ % sở hữu vốn thực góp**
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	Thôn Đông Sương, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	51	51
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đoan Hùng	Thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	51	51
B	**Công ty liên kết do Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết**			
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8		40	40

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư theo tỉ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá thành sản phẩm sản xuất được tính toán hàng tháng và được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh tập hợp cho từng loại sản phẩm đã được quy tiêu chuẩn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

A	**Công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết được hợp nhất trên Báo cáo tài chính Hợp nhất**			
			Tại ngày 31/12/2010	
TT	**Đơn vị**	**Địa chỉ**	**Tỷ lệ % vốn góp cam kết**	**Tỷ lệ % sở hữu vốn thực góp**
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	Thôn Đông Sương, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	51	51
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đoan Hùng	Thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	51	51
B	**Công ty liên kết do Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết**			
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8		40	40

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư theo tỉ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 42
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất tại Công ty CP Đầu tư và VLXD Đông Anh 6 và Công ty CP Đầu tư và VLXD Đoan Hùng được khấu hao lần lượt là trong 25 và 48 năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trên Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết mới thành lập được thực hiện theo tiến độ góp vốn thực tế tương ứng với việc xác nhận vốn góp từ công ty nhận khoản đầu tư.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị khuôn tôn silic, công cụ dụng cụ xuất dùng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một các chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

3.11 CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 THUẾ

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Doanh thu bán các sản phẩm tấm lợp, khung nhôm, kính và vật tư là 10%

Doanh thu từ tiền nhượng quyền thương hiệu là 0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	6.364.729.061	1.900.250.377
Tiền gửi ngân hàng	8.919.849.302	9.167.444.293
	15.284.578.363	**11.067.694.670**

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế thu nhập thường xuyên cán bộ chưa thu	-	30.617.125
Phải thu phần vốn tại Công ty con	-	409.348.000
Phải thu khác (*)	130.655.827	107.616.440
	130.655.827	**1.590.067.676**

(*) Trong đó, khoản phải thu Công ty Nam Long số tiền 95.000.000 đồng đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi bằng 100% giá trị gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.538.446.204	20.652.016.807
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.171.100	57.561.681
Thành phẩm	2.303.132.374	1.073.646.633
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	**28.861.749.678**	**21.783.225.121**

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Giá trị khuôn tôn silic	2.713.106.742	4.290.110.695
Chi phí công cụ dụng cụ	262.921.798	242.982.142
Kệ để ngói	113.162.879	161.236.000
	3.089.191.419	**4.694.328.837**

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	829.252.942	753.818.163
	829.252.942	**753.818.163**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2010	**14.569.993.451**	**41.357.067.456**	**8.312.636.986**	**363.879.794**	**194.681.270**	**64.798.258.957**
- Mua trong năm	-	1.070.638.284	4.969.330.693	46.022.546	-	6.085.991.523
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.297.426.739	12.000.747.694	862.814.480	-	-	15.160.988.913
- Thanh lý, nhượng bán	-	(380.582.554)	(750.629.524)	-	-	(1.131.212.078)
31/12/2010	**16.867.420.190**	**54.047.870.880**	**13.394.152.635**	**409.902.340**	**194.681.270**	**84.914.027.315**
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2010	**(5.567.507.477)**	**(24.123.674.830)**	**(4.711.779.431)**	**(236.539.997)**	**(89.553.026)**	**(34.729.054.761)**
- Khấu hao trong năm	(1.626.444.360)	(3.140.521.495)	(1.136.333.078)	(84.758.781)	-	(5.988.057.714)
- Thanh lý, nhượng bán	-	360.735.572	575.965.024	-	-	936.700.596
31/12/2010	**(7.193.951.837)**	**(26.903.460.753)**	**(5.272.147.485)**	**(321.298.778)**	**(89.553.026)**	**(39.780.411.879)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2010	**9.002.485.974**	**17.233.392.626**	**3.600.857.555**	**127.339.797**	**105.128.244**	**30.069.204.196**
31/12/2010	**9.673.468.353**	**27.144.410.127**	**8.122.005.150**	**88.603.562**	**105.128.244**	**45.133.615.436**

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.684.712.790 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng san lấp đất tại Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6, nguyên giá là: 8.890.639.000 đồng được khấu hao trong vòng 25 năm, giá trị hao mòn luỹ kế tại 31/12/2010 là 533.439.000 đồng. Giá trị quyền sử dụng đất tại Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đoan Hùng, nguyên giá: 870.721.700 đồng, khấu hao trong vòng 48 năm giá trị hao mòn luỹ kế tại 31/12/2010 là: 15.117.000 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
CP đền bù đất nông nghiệp	5.592.346.305	4.418.912.609
CP xây dựng tường rào khu đất mới	-	535.072.939
Chi phí san lấp mặt bằng	17.932.000	17.932.000
Chi phí lắp đặt máy nghiền Amiăng	-	429.510.508
Công trình nhà văn phòng, bếp ăn tại Công ty CP Đầu tư và VLXD Đoan Hùng	264.628.349	-
Chi phí lắp đặt giàn hút trên không và dỡ sản phẩm tự động:	1.283.620.768	-
	7.158.527.422	**5.401.428.056**

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Số dư tại ngày 31/12/2010 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kể từ khi góp vốn, Công ty liên kết đang trong giai đoạn đầu tư, chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay NH Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hà Nội (*)	45.078.389.554	26.872.620.426
Vay NH Nông nghiệp và PTNT Đoan Hùng	400.000.000	-
Vay cá nhân (**)	4.700.000.000	-
	50.178.389.554	**26.872.620.426**

(*) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 10.153707.01.02 ngày 27 tháng 05 năm 2010 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội. Hạn mức tín dụng của hợp đồng tín dụng ngắn hạn là 50 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay là quyền sử dụng đất trên diện tích đất 27.332 m2 tại xã Uy Nỗ, Thị trấn Đông Anh theo hợp đồng thuê đất số 55/HDTD ngày 11/02/2010.

(**) Khoản vay cá nhân ông Đỗ Ngọc Tân số tiền: 2.700.000.000 đồng và ông Trịnh Hồng Phong số tiền: 2.000.000.000 đồng. Lãi suất vay được tính theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lương Sơn tại thời điểm chi trả lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT	2.177.958.826	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.489.228.290	1.534.358.585
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.231.565
	3.667.187.116	**1.537.590.150**

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	7.087.296	26.795.150
Kinh phí công đoàn	265.112.485	254.307.873
Phải trả phần vốn góp vượt	4.987.670.000	5.587.670.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	209.802.163	170.321.647
Phải trả tiền cổ tức	***4.260.779.000***	***2.199.314.000***
- Tổng công ty LICOGI	*1.574.937.000*	
- Công ty TNHH Phúc Đại An	*744.000.000*	
- Công ty CP 19/5 Đoan Hùng	*319.000.000*	
- Phải trả cổ tức các cổ đông khác	*1.622.842.000*	
	9.730.450.944	**8.238.408.670**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2009	**10.851.005.793**	**4.399.003.907**	**2.728.835.425**	**1.578.691.238**	**-**	**19.557.536.363**
- Tăng vốn trong năm	9.398.994.207	-	-	-	-	9.398.994.207
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	9.660.253.745	9.660.253.745
Trích quỹ, phân phối lợi nhuận	-	-	3.261.563.294	767.968.156	(6.220.552.618)	(2.191.021.168)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.967.640.000)	(2.967.640.000)
- Chi từ các quỹ	-	-	(14.805.000)	-	-	(14.805.000)
Giảm khác	-	(4.398.994.207)	365.227.193	-	-	(4.033.767.014)
31/12/2009	**20.250.000.000**	**9.700**	**6.340.820.912**	**2.346.659.394**	**472.061.127**	**29.409.551.133**
01/01/2010	**20.250.000.000**	**9.700**	**6.340.820.912**	**2.346.659.394**	**472.061.127**	**29.409.551.133**
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	8.009.607.195	8.009.607.195
- Trích quỹ, phân phối lợi nhuận	-	-	2.444.699.580	406.187.536	(2.850.887.116)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(2.272.898.530)	(2.272.898.530)
- Tăng khác	-	-	157.353.710	-	-	157.353.710
- Trả cổ tức năm 2010	-	-		-	(3.037.500.000)	(3.037.500.000)
- Giảm khác	-	-	(38.250.000)	-	(320.382.676)	(358.632.676)
31/12/2010	**20.250.000.000**	**9.700**	**8.904.624.202**	**2.752.846.930**	**-**	**31.907.480.832**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng Công ty xây dựng và Phát triển hạ tầng	10.499.580.000	10.499.580.000
Các cổ đông khác	9.750.420.000	9.750.420.000
	20.250.000.000	**20.250.000.000**

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**20.250.000.000**	**20.250.000.000**
+ Vốn góp đầu năm	20.250.000.000	20.250.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.250.000.000	20.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**3.037.500.000**	**2.967.640.000**

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	2.025.000	2.025.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.025.000	2.025.000
+ Cổ phiếu thường	2.025.000	2.025.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.025.000	2.025.000
+ Cổ phiếu thường	2.025.000	2.025.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16.5 CÁC QUỸ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.904.624.202	6.340.820.912
Quỹ dự phòng tài chính	2.752.846.930	2.346.659.394
	11.657.471.132	**8.687.480.306**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	337.060.299.223	344.858.775.504
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**337.060.299.223**	**344.858.775.504**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	297.792.687.483	309.034.220.239
Hoàn nhập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	-	(162.582.238)
	297.792.687.483	**308.871.638.001**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	284.488.055	221.747.129
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	185.996.458
Tiền thu từ bản quyền	159.489.667	-
Thu từ hợp đồng, hợp tác kinh doanh	-	200.000.000
	443.977.722	**607.743.587**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	5.744.390.299	2.638.315.720
	5.744.390.299	**2.638.315.720**

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.855.481.022	1.450.087.941
Chi phí bằng tiền khác	2.253.951.678	5.264.996.068
	4.109.432.700	**6.715.084.009**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.384.584.646	8.078.986.198
Chi phí vật liệu quản lý	1.460.100.181	1.143.613.758
Chi phí đồ dùng văn phòng	438.086.478	440.837.260
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	604.836.013	547.840.742
Chi phí dự phòng	707.254.988	389.368.281
Thuế, phí và lệ phí	1.664.106.189	751.258.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.060.805	-
Chi phí bằng tiền khác	4.340.386.256	3.542.456.255
	18.635.415.556	**14.894.360.847**

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	236.818.182	409.961.038
Thu nhập từ thanh lý vật tư khác	806.185.041	376.352.949
Các khoản thu nhập khác	67.774.502	7.500.000
Thu nhập từ mang tài sản đi góp vốn	-	692.000.000
	1.110.777.725	**1.485.813.987**

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ, CCDC thanh lý	184.736.159	336.605.036
Chi phí khác	31.640	-
	184.767.799	**336.605.036**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**12.148.360.833**	**13.496.329.465**
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	**159.489.667**	**200.000.000**
- Cổ tức được chia	159.489.667	200.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**11.988.871.166**	**13.296.329.465**
Thu nhập chịu thuế 25%	8.787.158.177	10.238.843.324
Thu nhập chịu thuế 10%	3.201.712.989	-
Thu nhập được miễn thuế	-	3.057.486.141
Thuế TNDN phải trả ước tính	**2.516.960.837**	**2.559.710.832**
Giảm 30% thuế phải nộp năm 2009 theo chính sách hỗ trợ của Nhà Nước	-	675.352.247
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.516.960.837**	**1.884.358.585**

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

26.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.009.607.195	9.660.253.745
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	2.025.000	963.715
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.955**	**10.024**

26.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2010		Năm 2009	
	Số cổ phần phổ thông đang lưu hành Cổ phiếu	Thời gian duy trì trước thay đổi Ngày	Số cổ phần phổ thông đang lưu hành Cổ phiếu	Thời gian duy trì trước thay đổi Ngày
Vốn cổ phần tại ngày 01 tháng 01	2.025.000	365	933.820	355
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-	2.025.000	10
Cổ phiếu bình quân lưu hành	**2.025.000**		**963.715**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh là Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI), các công ty con và các công ty liên kết của Tổng Công ty.

Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh với các bên liên quan cụ thể như sau:

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu		
Công ty SXVLXD Quảng ngãi	153.228.043	153.228.043
Công ty lắp máy điện nước-LICOGI	42.858.062	42.858.062
Công ty XD CTN& HTKT-LICOGI	61.516.000	61.516.000
Chi nhánh Công Ty CP ĐT&XD số18 Phả Lại	-	385.423.564
LD SX VLXD Hà nam - Phủ lý	25.424.204	110.424.204
	283.026.309	**753.449.873**

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty đã được kiểm toán. Một số số liệu trong báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh của báo cáo tài chính này.

Vũ Hữu Tuynh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY LẮP VÀ VLXD ĐÔNG ANH
CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày..... tháng ..... năm.....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

T/L TỔNG GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG
Bùi Hữu Ba